

Số: 13/2018/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 29 tháng 3 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Vàng Mí N; Sinh năm 1991; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: H Mông;

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Chị Lò Thị H; Sinh năm 1992; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: H Mông;

Địa chỉ nơi ĐKKH: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Hà Giang; Địa chỉ nơi ở: Thôn X, xã N, huyện Q, tỉnh Hà Giang;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 81, điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 6; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vàng Mí N và chị Lò Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng Mí N và chị Lò Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Vàng Mí N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Vàng Nguyên B, sinh ngày 08-10-2011; chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh N và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Vàng Mí N và chị Lò Thị H xác nhận không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Vàng Mí N xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2012/02584 ngày 06-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang. Hoàn trả lại cho anh Vàng Mí N 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- C.C THADS huyện Q;
- UBND xã P, huyện V;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh